

Bản án số: 21/2019/HS-ST

Ngày: 25/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Ngọc Oanh

2. Bà Hà Thị Thanh Hiền

Thư ký phiên toà: Ông Phan Thái Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Lê Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2019/HSST ngày 23 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

*** Lương Quang T**, sinh ngày 14 tháng 01 năm 1990, tại tỉnh Yên Bái

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ 14B (Nay là tổ 10), thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam

Con ông: Lương Ngọc T3, sinh năm 1963 và con bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1965;

Vợ: Đỗ Thị T4, sinh năm 1993 và 01 con, sinh năm 2015;

Hiện bố, mẹ, vợ, con bị cáo đang trú tại tổ 14B (nay là tổ 10), thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt ngày 16/4/2019, theo Quyết định truy nã số 02 ngày 03/4/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên toà.

*** Những người bị hại:**

1. Anh Ngọc Mạnh T1, sinh năm 1977

Trú tại: Tổ 16, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt

2. Anh Trương Minh H, sinh năm 1992

Trú tại: Tổ 17, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt

3. Anh Trần Văn T2, sinh năm 1996

Trú tại: Thôn Đ, xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Trần Văn B, sinh năm 1985

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 13, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Vắng mặt

2. Anh Hoàng Anh Đ, sinh năm 1986
Nơi ĐKKHKT: Tổ 29, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái
Chỗ ở: Tổ 7B, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

3. Ông Lương Ngọc T3, sinh năm 1963

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 14B (nay là tổ 10), thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt

* Người làm chứng: Vũ Trọng N, sinh năm 1988

Trú tại: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23h30' ngày 13/11/2018, Lương Quang T điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 21T2 – 3220 đến khu vực tổ 17, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Mục đích xem có ai sơ hở để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 01h ngày 14 tháng 11 năm 2018 quan sát thấy Phòng C, Công an tỉnh Yên Bái không có người canh gác. T đi vào khu nhà 3 tầng, lên tầng 3, đến phòng anh Ngọc Mạnh T1, thấy anh T1 đang ngủ, T chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu samsung prime J2. Tiếp đó, bị cáo đi đến phòng anh Trương Minh H, chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6s và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo F1W. Sau đó, T đi xuống tầng 2, vào phòng của anh Trần Văn T2, chiếm đoạt 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu HP. Sau đó, T mang toàn bộ tài sản vừa chiếm đoạt được đến cổng trường N (thuộc tổ 14A, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái) cất giấu.

Sáng ngày 14/11/2018, T đến lấy 03 chiếc điện thoại, mang đến cửa hàng điện thoại của anh Trần Văn B (thuộc tổ 13, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái) bán được 1.700.000đồng (một triệu, bảy trăm nghìn đồng). Còn chiếc máy tính xách tay, T mang đến bán cho anh Hoàng Anh Đ (tổ 29, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái) được 2.300.000đồng. Đ mang chiếc máy tính này đến cửa hàng máy tính (số 606, đường Đ, thành phố Yên Bái) nhờ anh Vũ Trọng N là chủ cửa hàng bán hộ. Sau khi phát hiện đây là tài sản trộm cắp, anh N đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra để trả lại cho người bị hại.

Toàn bộ số tiền bán tài sản Lương Quang T đã tiêu sài cá nhân hết. Ngày 19/11/2018, Lương Quang T bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái triệu tập, tại cơ quan điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Tổng giá trị tài sản Lương Quang T trộm cắp vào ngày 14/11/2018 theo Kết luận định giá số 48/HĐĐGTS ngày 21/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản là 3.850.000đồng (Ba triệu, tám trăm, năm mươi nghìn đồng). Trong đó chiếc điện thoại oppo có trị giá là 150.000 đồng; điện thoại sam sung 500.000đồng; Iphone 6s 2.000.000đồng; Laptop 1.200.000đồng

Tại phiên tòa bị cáo Lương Quang T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi Trộm cắp tài sản như đã nêu trên. Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát.

Bản cáo trạng số 06/CT - VKSTP ngày 22/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái truy tố bị cáo Lương Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái luận tội đối với bị cáo, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lương Quang T phạm tội “Trộm cắp tài sản”
- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS; xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589, 357, 468 Bộ luật dân sự;

+ Đối với những người bị hại gồm Ngọc Mạnh T1, Trương Minh H, Trần Văn T2 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường nên HĐXX không xem xét.

+ Đối với anh Trần Văn B, là người đã mua 03 chiếc điện thoại của bị cáo với số tiền là 1.700.000đồng, nhưng anh B không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên không xét.

+ Đối với ông Lương Ngọc T3, đã được nhận lại tài sản là chiếc xe máy biển kiểm sát 21T2 – 3220, ông T3 không có yêu cầu, đề nghị gì về tài sản nên không xét.

+ Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Hoàng Anh Đ số tiền là 2.300.000 đồng (đây là số tiền anh Đ đã bỏ ra mua chiếc máy tính của bị cáo T).

- Về vật chứng của vụ án: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi Trộm cắp tài sản do bản thân thực hiện là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, những tham gia tố tụng khác, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng của vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, nên có đủ cơ sở kết luận:

Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, khoảng 01h ngày 14/01/2018 tại tầng 2, 3 Phòng C, Công an tỉnh Yên Bái (thuộc khu vực tổ 17, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái), Lương Xuân T đã đột nhập và chiếm đoạt của anh Ngọc Mạnh T1 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J2 có trị giá 500.000đồng; chiếm đoạt của anh Trương Minh H 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6s trị giá 2.000.000đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1W trị giá 150.000đồng; chiếm đoạt của anh Trần Văn T2 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP trị giá 1.200.000đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của những người bị hại là 3.850.000đồng. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác do bị cáo thực hiện đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản. Tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Bị cáo là người có sức khỏe, đủ năng lực nhận thức để điều chỉnh mọi hành vi hoạt động của bản thân, xong lười lao động, không có nghề nghiệp. Năm 2007, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 25/9/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái xử phạt 02 năm tù cũng về tội danh “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 30/12/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tuy bị cáo đã chấp hành xong các bản án phạt tù và đã được xóa án tích, nhưng qua đó thể hiện bị cáo có nhân thân xấu. Nhiều lần bị phạt tù, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để làm ăn lương thiện, mà lại tiếp tục phạm tội. Lỗi phạm tội này của bị cáo là táo bạo, liều lĩnh. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo được tại ngoại, đến ngày mở phiên tòa bị cáo bỏ trốn, gây nhiều khó khăn cho cơ quan điều tra, Tòa án trong việc truy bắt, xét xử bị cáo. Đây thể hiện sự coi thường pháp luật, ý thức tu dưỡng, rèn luyện bản thân của bị cáo là rất kém. Do đó cần có một mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có thể giáo dục, cải tạo được bị cáo và phòng chống tội phạm nói chung.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, nên cho hưởng quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51BLHS, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ biên bản xác minh của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái, bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[6] Trong vụ án này còn có các đối tượng Trần Văn B, Hoàng Anh Đ, Vũ Trọng N là những người đã mua, bán tài sản của bị cáo, nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, nên là giao dịch ngay tình, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái không xử lý về hình sự các đối tượng nêu trên là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, những người bị hại gồm Ngọc Mạnh T1, Trương Minh H, Trần Văn T2 vắng mặt, nhưng có lời khai trong hồ sơ, các anh T1, Hưng, Tiệp đều xác nhận đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường, nên HĐXX không xem xét, giải quyết

Đối với anh Trần Văn B, là người đã mua của bị cáo T 03 chiếc điện thoại di động với số tiền 1.700.000đồng, anh B vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời khai trong hồ sơ, anh không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền này, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Đối với anh Hoàng Anh Đ là người đã mua của bị cáo chiếc máy tính nhãn hiệu HP với số tiền 2.300.000đồng. Anh Đ yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền trên. Xét thấy, yêu cầu của anh Đ là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Đối với ông Lương Ngọc T3, là bố đẻ của bị cáo T, đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu DANSEL, BKS 21T2 – 3220, ông T3 không có yêu cầu, đề nghị gì về bồi thường nên HĐXX không xét.

[8] Về vật chứng của vụ án: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra, nên không xét.

[9] Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

[10] Bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các Điều 136; 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 589, 357, 468 Bộ luật dân sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lương Quang T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2.Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lương Quang T **01** năm **06** tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt (ngày 16/4/2019).

3.Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lương Quang T phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Hoàng Anh Đ số tiền là 2.300.000 đồng.

Kể từ ngày anh Đ có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án

4. Về án phí: Bị cáo Lương Quang T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKS tỉnh Yên Bái;
- VKSND TPYB;
- CATPYB;
- Trại tạm giam (bị cáo);
- Người bị hại (3);
- Người liên quan (3);
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- THADS thành phố;
- Hồ sơ NV CATP YB;
- THA phạt tù (2);
- Lưu HS, TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy